HUYỆN ÂN THI

330 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THỊ TRẤN ÂN THI

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐẠM

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1971

Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Minh Châu: Hy sinh tháng 11-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 530[B].

Mẹ LƯU THỊ HÒE

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Nhì.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Hồng Phú: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 12-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 902[bm]/CL ngày 07-3-1972.
2. Liệt sĩ Đào Đức Bình (Đào Văn Bình): Sinh năm 1952; đơn vị tại ngũ C4 D141 F2; hy sinh tháng 12-1969, tại C4 D141 F2; Bằng Tổ quốc ghi công số QY 502[b].

Mẹ TRƯƠNG THỊ NGUÔI

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1984
Quê quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lâm Quang Lập (Lâm Kim Lập): Sinh năm 1930; hy sinh ngày 28-9-1950, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 322[b] ngày 19-01-1961.
2. Liệt sĩ Lâm Quang Lợi (Lâm Kim Lợi): Sinh năm 1933; hy sinh ngày 20-8-1952, tại tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 321[b] ngày 19-01-1961.
3. Liệt sĩ Lâm Quang Lộc: Sinh năm 1936; đơn vị tại ngũ Công an viên tỉnh Hải Hưng; hy sinh ngày 03-9-1951, tại tỉnh Yên Bái; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 3203[c] ngày 19-01-1961.

Mẹ TRẦN THỊ NGUYÊN

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1972
Quê quán: Bình Trì, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Tăng Nguyên.
2. Liệt sĩ Nguyễn Tăng Trịnh: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 4-1953; hy sinh ngày 08-4-1971, tại tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 766[b] ngày 22-02-1977.
3. Liệt sĩ Nguyễn Tăng Thành.

Mẹ PHẠM THỊ NGUYỄN

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1972
Quê quán: Trung Thôn, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Cáp Minh Hải: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ Đại đội 22; hy sinh ngày 04-11-1952, tại xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 988[b].

Mẹ ĐẶNG THỊ NHÂM

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Ba: Sinh năm 1932; nhập ngũ ngày 01-02-1958; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 312; hy sinh tháng 4-1972, tại Mặt trận phía Nam Quảng Trị.

Mẹ HOÀNG THỊ THIỆU

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1967
Quê quán: Hoàng Cả, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Trọng Phụng: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ C860 Biệt động thành Đà Lạt; hy sinh ngày 21-02-1968, tại Thành phố Đà Lạt.

Mẹ PHẠM THỊ BỐNG

Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 01-11-1998.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lộng: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ Đại đội 6 Tiểu đoàn 2; hy sinh ngày 30-3-1968, tại Mặt trận phía Nam, Quân khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 195 TTga ngày 14-11-1969.

Mẹ CÁP THỊ PHỦNG

Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1927
Quê quán: Xã Hoàng Văn Thụ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 07-11-1998.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Lâu: Sinh năm 1917; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ Đại đội trưởng C30; hy sinh ngày 10-4-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 292^{bp}/CL ngày 19-01-1961.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHỠ

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1960
Quê quán: Hoàng Cả, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Huy Chất: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ C15 Q9 E66 T304; hy sinh ngày 23-02-1968, tại Khe Xanh, Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số VN 664[b].
2. Liệt sĩ Vũ Huy Lăng: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ T2 QK9 KB; hy sinh ngày 12-12-1968, tại chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 868[b].
3. Liệt sĩ Vũ Huy Băng: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1963; đơn vị tại ngũ Hạt 2, Kim Thành thuộc đoạn bảo dưỡng đường bộ Hải Dương; hy sinh ngày 12-5-1967, tại đường số 5A ga Lai Khê, hạt 2, Kim Thi; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐP-422[cm].

Mẹ NGUYỄN THỊ CỐM

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1955
Quê quán: Thôn Trung, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Vừa: Sinh năm 1917; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 03-4-1950, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 337[bp].
2. Liệt sĩ Phạm Khả Cầm: Sinh năm 1923; nhập ngũ ngày 02-3-1946; đơn vị tại ngũ huyện đội Ân Thi; hy sinh ngày 16-02-1947, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 955[b].

Mẹ VŨ THỊ THẮNG

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1972
Quê quán: Thôn Trung, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Văn Doanh: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ C38 Hưng Yên; hy sinh ngày 01-4-1953, tại Cửa Giàng, Quán Ốc, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XY 729[b].
2. Liệt sĩ Đào Anh Chiến: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ F304; hy sinh ngày 25-5-1972, tại Mặt trận Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 251[b] ngày 22-12-1973.

Mẹ TRẦN THỊ KHẨN

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Chiến: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ F316 (A phó); hy sinh ngày 06-4-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3253[b].
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Chinh: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ P4; hy sinh ngày 01-6-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 596[B].

Mẹ ĐẶNG THỊ KHAI

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1962
Quê quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2004.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Bút: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 3-1950; đơn vị tại ngũ Ty Công an Hưng Yên; hy sinh ngày 14-7-1951, tại chợ Lào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 102[c].
2. Liệt sĩ Phạm Văn Môn: Nhập ngũ ngày 01-3-1950; đơn vị tại ngũ chiến sỹ C30, huyện đội Ân Thi; hy sinh ngày 20-7-1952, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 065[c].

Mẹ CÁP THỊ CÚC

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 2000
Quê quán: Thôn Trung, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2004.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Doãn Văn Hưu: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ D9 F304; hy sinh ngày 04-4-1968, tại chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 906[b] ngày 23-12-1969.
2. Liệt sĩ Doãn Văn Sở (Doãn Sĩ Sở): Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1966; đơn vị tại ngũ D2KB; hy sinh ngày 20-7-1968, tại chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PL 295[b] ngày 19-8-1975.

Mẹ PHẠM THỊ BÉ

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1949
Quê quán: Thôn Trung, Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 631/ QĐ- CTN năm 2006.
Con độc nhất là liệt sĩ Cáp Văn Cầu: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ huyện đội Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 10-7-1950, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số QR 950[b].

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ BÃI SẬY

Mẹ NGUYỄN THỊ NĂM

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1960
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Khổng: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 02-1968; đơn vị tại ngũ V104KB; hy sinh ngày 14-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 377[b] ngày 28-12-1973.
2. Liệt sĩ Hoàng Hàn: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 28-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 858[b] ngày 01-12-1973.
3. Liệt sĩ Hoàng Văn Kiện: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ 6938; hy sinh ngày 04-01-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 855[b] ngày 05-4-1977.

Mẹ PHẠM THỊ CẨN

Năm sinh: 1927; năm từ trần: 1976

Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ân: Sinh năm 1955; hy sinh ngày 09-10-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 517[b]/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghĩa: Sinh năm 1958; hy sinh ngày 19-4-1980; Bằng Tổ quốc ghi công số ZAA 188[b].

Mẹ PHẠM THỊ CHÚC

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Đức Đê: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ Đại đội 41, Tiểu đoàn 20; hy sinh ngày 05-6-1969, tại Mặt trận phía Nam, quân khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 814[b] ngày 24-7-1971.
2. Liệt sĩ Đào Đức Lực: Sinh năm 1955; đơn vị tại ngũ D502B; hy sinh ngày 27-01-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 557[b] ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ HIẾU

Năm sinh: 1924; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Cao Văn Thuần: Sinh năm 1956; nhập ngũ tháng 10-1974; đơn vị tại ngũ C10 D6 KH5; hy sinh ngày 11-3-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PS 089[B] ngày 04-9-1975.
2. Liệt sĩ Cao Xuân Đương: Sinh năm 1958; nhập ngũ ngày 26-6-1977; đơn vị tại ngũ C1-D1-E2-C.A.V.T; hy sinh ngày 24-02-1978, tại Q.Y viện 175; Bằng Tổ quốc ghi công số JV 292[b] ngày 16-02-1979.

Mẹ TRẦN THỊ SÂM

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2007
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Thường: Sinh năm 1942; hy sinh ngày 30-4-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 949[b].
2. Liệt sĩ Vũ Văn Lương: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 15-10-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 456[b].

Mẹ VŨ THỊ TẸO

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nhữ Đình Thi: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 22-12-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PS 082[b] ngày 04-9-1975.
2. Liệt sĩ Nhữ Xuân Bì: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 06-3-1972, tại Tân An, tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số NS 010[b] ngày 17-8-1974.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ

Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nhữ Văn Bang (Nhữ Thanh Bang): Sinh năm 1933; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 566^{BM} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nhữ Văn Độ: Sinh năm 1936; hy sinh năm 1954, tại tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 324BP ngày 07-10-2003.

Mẹ PHẠM THỊ THỂ

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đông: Sinh năm 1923; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ C27 Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 04-6-1953, tại Cầu Lẩy, đường 39, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 21 TTGA ngày 18-01-1975, MC 462^{B}.ICL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Sĩ Bưu: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ E64 F320 (đại đoàn đồng bằng); hy sinh ngày 15-4-1954, tại Công Đồn, Kha Lý, Thụy Anh, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số 21 TTGa ngày 18-01-1975, MC 463B.

Mẹ NHỮ THỊ UY

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Văn Hàm: Sinh năm 1930; hy sinh năm 1971; Bằng Tổ quốc ghi công số Qy 377^{b}.
2. Liệt sĩ Đinh Công Lợi: Sinh năm 1948; hy sinh năm 1972; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 243^{b}/CL.

Mẹ NHỮ THỊ HỘ

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Văn Phu: Hy sinh năm 1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 084^{b}/CL ngày 01-12-1959.
2. Liệt sĩ Đinh Văn Sứ: Hy sinh năm 1951; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 142^{bp} ngày 07-10-2003.

Mẹ CAO THỊ TÝ

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Văn Cừ: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 22-6-1964, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 181^{b}/CL ngày 12-8-1967.
2. Liệt sĩ Đinh Văn Nhạc: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 15-4-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 690^{b}/CL ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ LƯƠNG

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Xuân Hoa: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 02-1967; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 14-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 324^{b} ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Đào Văn Toàn: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ P4; hy sinh ngày 10-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 538^{b}/CL ngày 14-4-2008.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẠN

Năm sinh: 1901; năm từ trần: *
Quê quán: xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Thành: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1947; hy sinh năm 1949, tại Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 410[b].
2. Liệt sĩ Vũ Văn Thanh: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 06-7-1969, tại Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị.

Mẹ VŨ THỊ THẬT

Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Hữu Tiêu: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1964; đơn vị tại ngũ C1 D4 E24 F304; hy sinh ngày 17-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 092[b] ngày 28-10-1975.

** Chưa xác minh được thông tin*

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ BẮC SƠN

Mẹ PHẠM THỊ TÝ

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1935
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 347 KT/CTN tháng 3-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thanh Xuân: Sinh năm 1954; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 20-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 511[B] ngày 11-8-1979.

Mẹ ĐẶNG THỊ CẦM

Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Vĩnh: Hy sinh ngày 15-4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số ga 809[b] ngày 21-6-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ THANH

Năm sinh: 1948; năm từ trần: 1988
Quê quán: Hà Tây
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Trịnh Hồng Thú: Hy sinh ngày 09-10-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 872/CL ngày 21-5-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ HƯNG

Năm sinh: * ; năm từ trần: 1969

Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 84 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chương: Hy sinh ngày 04-02-1954, tại xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1429^{op}/CL ngày 02-11-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Đô: Hy sinh ngày 05-8-1972, tại tỉnh Quảng trị; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 986^{b} ngày 22-02-1977.

Mẹ TẠ THỊ NHỚN

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Chương Văn Thuận: Hy sinh ngày 15-8-1953, tại xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 637^{k} ngày 01-6-1959.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ TRẦN THỊ TUẤT

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Xuân Công: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 8-1971; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 1 KB; hy sinh ngày 09-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 568[b] ngày 18-5-1974.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Sự: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 4-1972; đơn vị tại ngũ Đại đội 3 Tiểu đoàn 1 KH5; hy sinh ngày 22-3-1975, tại Thừa Thiên Huế; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 679[b] ngày 17-11-1975.

Mẹ PHẠM THỊ GẦN

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Phạm Văn Lại: Sinh năm 1911; hy sinh ngày 16-7-1949, tại xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 317[xp]/CL ngày 02-7-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Phạm Văn Hộ: Sinh năm 1928; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 02-10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 527[BP]/CL ngày 26-5-1960.

Mẹ PHẠM THỊ TÝ

Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Trịnh Hồng Quỳ: Hy sinh ngày 17-7-1966, tại tỉnh Quảng Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 171[b] ngày 12-8-1967.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trịnh Hồng Trường: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ P1; hy sinh ngày 12-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 685[b] ngày 11-8-1976.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ DUYÊN

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1940
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Hòa: Sinh năm 1935; đơn vị tại ngũ xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 14-8-1953, tại Mặt trận chống càn; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 617^{kp} ngày 22-11-1997.

** Chưa xác minh được thông tin*

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ CẨM NINH

Mẹ ĐẶNG THỊ MÙNG

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Toản: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 03-1968; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 10-8-1972, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HP 652[B].

Mẹ ĐÀO THỊ THIẾT

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Thúc: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 01-1948; đơn vị tại ngũ F42; hy sinh ngày 10-12-1948, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 289K.

Mẹ VƯƠNG THỊ CHẪU

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1938
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Khoa: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1940; đơn vị tại ngũ huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 23-4-1943, tại nhà tù Hỏa Lò; Bằng Tổ quốc ghi công số 465[C].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ SUẤT

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1949
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 351 KT/CTN tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Lâu: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 8-1951; đơn vị tại ngũ D27 Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh năm 1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 267[B].

Mẹ TRẦN THỊ CHÍNH

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Như Khương: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 8-1945; đơn vị tại ngũ Hà Nội; hy sinh tháng 7-1946, tại thành Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 401[B].
2. Liệt sĩ Đinh Văn Đoan: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1960; đơn vị tại ngũ G220; hy sinh tháng 6-1969, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 645[B].

Mẹ LÊ THỊ HY

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Quynh: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ Đoàn 866 HE; hy sinh tháng 4-1968, tại chiến trường đường 9 Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 797[B].
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Linh: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 12-1969; đơn vị tại ngũ DB K9; hy sinh ngày 10-03-1971, tại chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ST 143[B].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐỖ THỊ TẨM

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN tháng 4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lập: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 02-1948; đơn vị tại ngũ F42; hy sinh tháng 4-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 268[b].
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Đình: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 12-1951; đơn vị tại ngũ D20 Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh tháng 7-1953, tại đường 39 tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 320[bp].

Mẹ ĐÀO THỊ CUỘC

Năm sinh: 1900; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đán: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 10-1948; đơn vị tại ngũ huyện đội Ân Thi; hy sinh tháng 5-1950, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1146[c], ngày 25-7-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Thản: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 27-7-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 190 TTQANg ngày 20-5-1972, CB 610[B].

Mẹ PHẠM THỊ Y

Năm sinh: 1892; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Hỳ: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1948; hy sinh tháng 7-1950, tại xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số CL 804[b].
2. Liệt sĩ Lê Văn Hỷ: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ D27 Hưng Yên; hy sinh tháng 02-1951, tại đường 39 tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XO 3242[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ BINH

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1966
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mậu: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 5-1965; đơn vị tại ngũ lái xe 9401; hy sinh tháng 5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 329[B].
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hai: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 8-1966; đơn vị tại ngũ K.H; hy sinh ngày 24-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PF 907[b].

Mẹ PHAN THỊ KHUYÊN

Năm sinh: 1927; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Chồng là liệt sĩ Ngô Văn Được: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ đường 9 Nam Lào; hy sinh tháng 3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 652[B].
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Ngô Văn Huân: Sinh năm 1966; nhập ngũ tháng 3-1986; đơn vị tại ngũ C6 E11; hy sinh tháng 8-1987, tại Xín Mần Hà Tuyên; Bằng Tổ quốc ghi công số CD 837[BT].

Mẹ ĐỖ THỊ TỤ

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Xuân Tống: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 6-1965; đơn vị tại ngũ D212; hy sinh tháng 7-1968, tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số 125[B].
2. Liệt sĩ Đào Kim Tiến: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 3-1953; đơn vị tại ngũ QK4; hy sinh tháng 02-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 397[B] CL.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐA LỘC

Mẹ NGUYỄN THỊ CHÀNG

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chiến: Sinh năm 1920; nhập ngũ ngày 20-7-1950; hy sinh ngày 17-5-1952, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 151^{bp}/CL ngày 06-6-2014.

Mẹ TRẦN THỊ THẠCH

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 494 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Chồng là liệt sĩ Đoàn Văn Chuốt: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 15-01-1950, tại Bốt Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 028^{C} ngày 31-3-1972.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Quang Huy: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 8-1970; đơn vị tại ngũ C7 D8 E102 F308; hy sinh ngày 23-4-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 225^{b} ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Đoàn Việt Cường: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 7-1972; đơn vị tại ngũ MT; hy sinh ngày 04-9-1972, tại tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số HQ 930^{b} ngày 01-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẠ

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Nghịch: Sinh năm 1922; nhập ngũ năm 1946; hy sinh ngày 17-7-1951, tại xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 617K ngày 25-4-2008.

Mẹ VŨ THỊ SÂM

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yê
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Quang Chiểu: Sinh năm 1916; nhập ngũ tháng 4-1946; hy sinh ngày 16-11-1952, tại Bốt Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 445[c] ngày 20-10-1972.

Mẹ ĐẶNG THỊ TƯƠI (NGUYỄN THỊ THÁN)

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1942
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Kê: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 02-1965; đơn vị tại ngũ KN Cục cán bộ-Tổng cục chính trị; hy sinh ngày 19-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 480[b] ngày 25-4-2008.

Mẹ ĐOÀN THỊ BỚT

Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Thục: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1951; hy sinh ngày 26-8-1952, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3279[bp]/CL ngày 12-01-2012.

Mẹ ĐẶNG THỊ LƯƠNG

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hào: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1948; hy sinh ngày 13-5-1950, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 631^{K}/CL ngày 07-5-2008.

Mẹ NGUYỄN THỊ THIỆP

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/QĐ-CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thạch: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 22-02-1949; đơn vị tại ngũ Đại đội 834 Trung đoàn 46; hy sinh ngày 16-4-1953, tại xã Yên Mỹ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 600^{b} ngày 22-4-2008.

Mẹ NGUYỄN THỊ THỬ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1759/QĐ-CTN ngày 08-12-2008.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Cộng: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ Đoàn 2127KT; hy sinh ngày 05-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 691^{b} ngày 07-3-1972.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ TRẦN THỊ GÁI

Năm sinh: 1908; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 680/QĐ-CTN ngày 12-5-2009.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Xuân: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1950; hy sinh ngày 15-7-1952, tại Cầu Ngọc, xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 332^{bp} ngày 08-11-2008.

Mẹ NGUYỄN THỊ BA

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Duyến: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 01-12-1952, tại Bốt Đởm, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 343^{B} ngày 28-11-1960.
2. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Tuấn: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 14-8-1971, tại miền Đông Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 353^{b} ngày 25-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ CÃ

Năm sinh: 1924; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Xuân Quỳnh: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ D4 KH; hy sinh ngày 24-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CB 625^{b}/CL ngày 22-4-2008.
2. Liệt sĩ Đặng Đình Quynh: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 10-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HS 045^{b}/CL ngày 22-4-2008.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ TRẦN THỊ CỎN

Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Khoái: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1961; hy sinh ngày 24-6-1978, tại Biên giới Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 8M 843^{b} ngày 29-6-1979.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Nguyên: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1948; hy sinh ngày 20-10-1948, tại Quân khu Tả Ngạn; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 407^{bp} ngày 07-10-2003.

Mẹ VŨ THỊ CHƯ

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Nhất Tâm: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 42 tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 02-11-1950, tại Mão Cầu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 056^{b}/CL ngày 01-02-2000.
2. Liệt sĩ Hoàng Trọng Tiến: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1962; đơn vị tại ngũ pháo binh; hy sinh ngày 01-11-1967, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 503^{bm}/CL ngày 23-12-2013.

Mẹ NGUYỄN THỊ DẬU

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Sử: Sinh năm 1955; nhập ngũ tháng 12-1972; đơn vị tại ngũ P1; hy sinh ngày 29-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 509^{B} ngày 11-8-1976.
2. Liệt sĩ Trần Văn Sách: Sinh năm 1957; nhập ngũ năm 1978; đơn vị tại ngũ C18 E246 F346; hy sinh ngày 23-02-1972, tại tỉnh Cao Bằng; Bằng Tổ quốc ghi công số 9G 919^{b} ngày 19-12-1979.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÀO

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Minh: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 02-1951; hy sinh ngày 09-10-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 542^{K}/CL ngày 04-5-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Nguyệt: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 22-12-1952, tại Yên Viên, tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ZA 663^{b}/CL ngày 25-3-1957.

Mẹ NGUYỄN THỊ KÊ

Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Khen: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ thuộc NB Tổng cục chính trị-Cục cán bộ; hy sinh ngày 10-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 482^{b}/CL ngày 09-7-1973.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Chài: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ thuộc NB Tổng cục chính trị-Cục cán bộ; hy sinh ngày 16-01-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 188^{b}/CL ngày 27-9-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ KÝ

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Đình Thọ: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 304; hy sinh ngày 07-01-1950, tại tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 449^{B}/CL.
2. Liệt sĩ Trần Đình Tần: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1950; hy sinh ngày 23-4-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 450^{B}/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ TƠ

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Huy Phong: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 25-3-1953; đơn vị tại ngũ thuộc E981, F316; hy sinh ngày 27-3-1954, tại Điện Biên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 101[b]/CL ngày 07-5-2008.
2. Liệt sĩ Nguyễn Huy Thuân: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1970; hy sinh ngày 07-10-1972, tại thị trấn Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 346[b] ngày 09-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ TŨN

Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Chư: Sinh năm 1911; nhập ngũ năm 1949; hy sinh tháng 6-1950, tại xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐC 285K ngày 18-01-1975.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Văn Tạ: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 01-1966; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 1-KN-Tỉnh đội Hải Hưng; hy sinh ngày 31-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 666[b].

Mẹ VŨ THỊ VƯƠNG

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Công Chàm: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1958; đơn vị tại ngũ Đoàn 559; hy sinh ngày 06-4-1968, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số Vm 844[B] ngày 24-02-1970.
2. Liệt sĩ Vũ Ngọc Lãi: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ thuộc NB; hy sinh ngày 30-10-1968, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 444[bm]/CL ngày 18-01-2013.

Mẹ NGUYỄN THỊ DIỆP

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khởi: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 6-1961; đơn vị tại ngũ D3 F20KN; hy sinh ngày 08-9-1970, tại tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 484^{b}/CL ngày 07-5-2008.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cử: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ BT31 K5; hy sinh ngày 19-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HK 122^{b}/CL ngày 01-02-2000.

Mẹ NGUYỄN THỊ GỪNG

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Triều: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ B14-Bưu điện Hưng Yên; hy sinh tháng 9-1950, tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 656^{cp}/CL ngày 12-01-2012.
2. Liệt sĩ Trần Văn Vỵ: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1953; đơn vị tại ngũ Sư 308; hy sinh tháng 3-1953, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3281^{b}/CL ngày 07-5-2008.

Mẹ VƯƠNG THỊ LIÊM

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Minh Tiến: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ D5 E866; hy sinh ngày 18-3-1972, tại đường 9 Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 709^{b}/CL ngày 22-4-2008.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Kim: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 14-5-1949, tại Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 022b/CL ngày 18-6-2008.

Mẹ VŨ THỊ MÊNH

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Minh Phối: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 01-1965; đơn vị tại ngũ KH; hy sinh ngày 30-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KG 090[b].
2. Liệt sĩ Hoàng Tin: Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ P4; hy sinh ngày 08-02-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 295[b] ngày 01-4-1977.

Mẹ PHẠM THỊ SANG

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Tuyến: Sinh năm 1955; nhập ngũ tháng 4-1972; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 27-5-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 539[b]/CL ngày 07-5-2008.
2. Liệt sĩ Nguyễn Huy Thái: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 25-4-1966; đơn vị tại ngũ P4; hy sinh ngày 25-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UY 543[b]/CL ngày 07-5-2008.

Mẹ NGUYỄN THỊ XÂY

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tinh: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ Đại đội 31; hy sinh ngày 02-9-1947, tại Kiến An, Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1885B.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thị Mô: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 10-4-1952, tại xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 009[C]/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ THỶ

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Văn Chuốt: Sinh năm 1916; hy sinh ngày 15-01-1952, tại Bốt Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 028^{C} ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Tẩm: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 10-1950; hy sinh ngày 03-11-1953 tại Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 327^{bp}/CL ngày 19-7-2013.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐÀO DƯƠNG

Mẹ LÊ THỊ TRIỆC

Năm sinh: 1908; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huy chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Hai; Huân chương Kháng chiến (chống Mỹ) hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Nhân: Sinh năm 1934; hy sinh tháng 4-1954, tại đường số 5; Bằng Tổ quốc ghi công số 740K ngày 01-4-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ THU

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Hựu: Sinh năm 1919; nhập ngũ năm 1945; hy sinh tháng 11-1946, tại Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số DM 952^{b}/p.

Mẹ CHU THỊ NHỚN

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lâu: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 02-6-1952, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1143^{b} ngày 01-6-1954.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Lễ: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 05-7-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 562^{b} ngày 01-4-1977.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1941
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cường: Sinh năm 1920; hy sinh tháng 3-1950, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 013K.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Oánh: Sinh năm 1924; hy sinh năm 1954, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 236^{b} ngày 19-01-1961.

Mẹ BÙI THỊ SẾN

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Dương Sách Nhi: Sinh năm 1922; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 371; hy sinh tại thị trấn Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số SC 090^{B} ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Dương Sách Bầu: Sinh năm 1953; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 371; hy sinh ngày 01-12-1973, tại bản Bò Trang, huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn; Bằng Tổ quốc ghi công số RH 287^{b} ngày 22-7-1975.

Mẹ VƯƠNG THỊ TÝ

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Nguyên: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 28-12-1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 338^{bp} ngày 19-01-1961.
2. Liệt sĩ Phạm Phúc Xuân: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ 220 Quảng Nam, Đà Nẵng; hy sinh tháng 8-1971 tại Quảng Nam, Đà Nẵng; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 312^{B} ngày 22-4-1974.

Mẹ BÙI THỊ NỤ

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Thiện: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 30-3-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 303[b] ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Hợp: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 20-3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GA 790[b] ngày 21-6-1973.

Mẹ HÀ THỊ NGHĨA

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1980

Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Thạch: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 03-4-1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XK 747K.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Tiệp: Sinh năm 1942; hy sinh ngày 01-9-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 675[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ NẴNG

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Khuyến: Sinh năm 1910; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ Công binh xưởng Quân khu III; hy sinh năm 1950, tại Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XU 1915[c] ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Lộ: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1945; hy sinh năm 1946, tại Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số DM 946[p]/p ngày 13-7-1994.

Mẹ NGUYỄN THỊ TRỊNH

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1938
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Dương Văn Tráng: Sinh năm 1916, hy ngày 07-7-1948, tại đường 39; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 534^{b} ngày 28-01-1975.
2. Liệt sĩ Dương Văn Hốt: Sinh năm 1924; hy sinh tháng 3-1954, tại Nam Hà; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 531^{B} ngày 28-01-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ LOÁT

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Bài: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 03-01-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XK 749^{k}/CL ngày 19-01-1961.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Toàn: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 11-01-1954, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 535^{bm}/CL ngày 26-5-1960.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐẶNG LỄ

Mẹ ĐINH THỊ LỰ

Năm sinh: * ; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Túy: Đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 6-1952, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XK 750^{kp}/CL ngày 12-02-2015.

Mẹ VŨ THỊ TRẺ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Phúc: Đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 03-9-1953, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 408^{kp} ngày 08-11-2008.

Mẹ NGUYỄN THỊ THÌN

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 391 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Mâu: Đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 4-1949, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZS 121/k ngày 01-6-1959.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐINH THỊ LÁN

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 22-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đinh Văn Nhân: Hy sinh ngày 01-3-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 089[B].

Mẹ NGUYỄN THỊ THẬM

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Chiểu: Hy sinh ngày 12-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 58-296[b] ngày 11-8-1978.

Mẹ ĐÀO THỊ LÂM

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Chồng là liệt sĩ Trần Văn Hồng: Hy sinh ngày 18-7-1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số CA 1439[K].
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Chiều: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 18-12-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 575[b] ngày 13-4-1974.
2. Liệt sĩ Trần Văn Đăng: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 07-7-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số NĐ 962[b] ngày 09-9-1974.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐINH THỊ CHUỒN

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phan Văn Bảo: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 10-5-1954, tại xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 646K ngày 01-10-1959.
2. Liệt sĩ Phan Văn Ban: Sinh năm 1944; hy sinh ngày 10-8-1967, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số OZ 062[b] ngày 11-4-1975.

Mẹ ĐỖ THỊ ĐẮC

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Đinh Văn San: Sinh năm 1918; hy sinh ngày 28-4-1950, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 642[k].
Có con độc nhất là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đinh Văn Phạm: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 20-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VA 926[b] ngày 01-4-1977.

Mẹ ĐÀO THỊ KHƯƠNG

Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Hải: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 10-1974; đơn vị tại ngũ Đại đội 1, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 2, Sư đoàn 8 QK9; hy sinh ngày 26-01-1979, tại Biên giới Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ZAA 152[b] ngày 09-3-1981.
2. Liệt sĩ Trần Văn Duyên: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 06-1968; đơn vị tại ngũ K.V; hy sinh ngày 28-8-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 407[b] ngày 11-01-1974.

Mẹ TRẦN THỊ LIỆU

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1970
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Tuy: Sinh năm 1945; nhập ngũ ngày 28-3-1967; đơn vị tại ngũ đặc công thị đội Vĩnh Trang, tỉnh Khánh Hòa QK5; hy sinh ngày 06-01-1973, tại miếu Thống Nhất, Vĩnh Trang; Bằng Tổ quốc ghi công số OL-986^{b} ngày 25-02-1975.
2. Liệt sĩ Lê Văn Lương: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 06-1968; đơn vị tại ngũ D490 Quảng Đà, Sơn Phúc, Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; hy sinh ngày 09-6-1969, tại Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QE 368^{p} ngày 05-02-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỚN

Năm sinh: 1903; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vương Thị Gái: Sinh năm 1933; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 521^{Kp}.
2. Liệt sĩ Vương Văn Cung: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1951; đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 16-5-1954, tại thôn Nam Trì, xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GY 189^{Kp}.

Mẹ TRẦN THỊ NINH

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Tuyến: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 12-02-1968, tại tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 252 TTga ngày 05-4-1977, VI 460^{b}.
2. Liệt sĩ Vũ Hồng Tiêu: Hy sinh ngày 19-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 765^{b} ngày 20-02-1974.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐINH THỊ PHIẾM

Năm sinh: 1881; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Oánh: Sinh năm 1915; đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 15-7-1950, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 648[c] ngày 04-5-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Thị Thất: Sinh năm 1925; đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 15-5-1954, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 093[kp] ngày 21-4-2003.

Mẹ PHẠM THỊ QUẾ

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2009
Quê quán: Ý Yên, Hà Nam Ninh
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Ngọc Sớm: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 3-1968; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 251 Đoàn 559; hy sinh ngày 23-6-1969, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 941[b] ngày 30-12-1970.
2. Liệt sĩ Bùi Xuân Triểu: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 08-7-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 622[b] ngày 13-4-1977.

Mẹ VƯƠNG THỊ RÔ

Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2016
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Đinh Văn Thơm: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 18-6-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 819[C].
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đinh Văn Tho: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 163 QĐ 2; hy sinh ngày 28-4-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số HN 104[bm].

Mẹ VƯƠNG THỊ SOAN

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Vũ Văn Kỷ: Đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 15-01-1949, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 559^{cp}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Vũ Thị Côi: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 02-1972; đơn vị tại ngũ bệnh viện Tây Ninh; hy sinh ngày 15-5-1974, tại bệnh viện Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số 372 CT/KT P040/CM.

Mẹ LÊ THỊ ẨM

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chúc: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 9-1953, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 767^{kp}/CL số ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Thọ: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 4-1965; đơn vị tại ngũ Đại đội 18, Sư đoàn 325; hy sinh ngày 31-8-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Km 604^{bm} ngày 28-01-1968.

Mẹ VŨ THỊ TẸO

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Văn Tạc: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 18-5-1948, tại thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 139^{C} ngày 05-01-1959.
2. Liệt sĩ Đinh Văn Tặng: Hy sinh tháng 5-1952, tại Hà Đông; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 737^{b} ngày 19-12-1964.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HẠ LỄ

Mẹ CAO THỊ TÂM

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1988
Quê quán: Thủy Nguyên, Hải Phòng
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Huy Hòa: Sinh năm 1949; đơn vị tại ngũ Đại đội 10, Tiểu đoàn 8 KT; hy sinh ngày 28-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Ga 785[b] ngày 21-6-1973.

Mẹ TRẦN THỊ THƠM

Năm sinh: *   ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chinh: Hy sinh ngày 07-12-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 589B ngày 11-8-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thú: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 02-1960; đơn vị tại ngũ Mặt trận B; hy sinh ngày 03-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 104[b] ngày 15-4-1977.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn La: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 24-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 548B ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ MÂU

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Tạ: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ C16 E102, hy sinh ngày 02-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 3876 ngày 09-01-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Hóa: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ D1 E48; hy sinh ngày 08-9-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RM 049[ck] ngày 23-9-1969.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐÀO THỊ MẼ

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Đương: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 5-1965; đơn vị tại ngũ P4; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 38-TTga ngày 11-8-1976, SA/81[b].
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Tuấn: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 8-1971; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 290-TTga ngày 03-7-1976, RL 370[b].

Mẹ TRẦN THỊ TRÒN

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tải: Nhập ngũ ngày 24-8-1951; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh ngày 25-9-1952, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1093[b].
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chín: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 27-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 301[b].

Mẹ ĐỖ THỊ ÚC

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1937
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Xuân Nha: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 01-1951; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh tháng 4-1951, tại Đào Xá - Hà Đông; Bằng Tổ quốc ghi công số 226[b].
2. Liệt sĩ Trần Xuân Đại: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh tháng 3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 700[b] ngày 01-7-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỀN

Năm sinh: 1900; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Chư: Sinh năm 1911; hy sinh ngày 24-02-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 232^{bp} ngày 23-12-2013.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tịch: Nhập ngũ tháng 8-1947; đơn vị tại ngũ tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 25-01-1949, tại Lệ Xá, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 061^{Q} ngày 01-6-1959.

Mẹ CHU THỊ KHAY

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tô Công Phán: Sinh năm 1932; hy sinh tại Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 347^{bp}, 1111/QĐ-TTg ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Tô Hồng Cẩm: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 4-1960; đơn vị tại ngũ D54 Đoàn 559; hy sinh ngày 03-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BĐ 614 ngày 30-6-1968.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÈO

Năm sinh: 1886; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Xuân Lũy: Sinh năm 1915; hy sinh năm 1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 386^{bp} ngày 07-12-1953.
2. Liệt sĩ Trần Xuân Lự: Sinh năm 1917; nhập ngũ ngày 14-3-1948; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh ngày 14-4-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 385^{bp} ngày 10-9-1950.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ TRƯƠNG THỊ TRẦN

Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thuyết: Sinh năm 1918; nhập ngũ ngày 12-02-1952; hy sinh ngày 17-8-1953, tại xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 774^{k}/CL, 130 TTg ngày 01-4-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đoái: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 02-1951; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh tháng 12-1953, tại Cao Xá, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 257^{bp}.

Mẹ HOÀNG THỊ TRIỆU

Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Niệm: Hy sinh tháng 3-1950, tại Cao Từa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1455/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tín: Hy sinh năm 1949, tại xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 463^{kp}.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HOÀNG HOA THÁM

Mẹ HOÀNG THỊ KHAI

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 13-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Dính: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ C3-D16-E111- F2P2; hy sinh ngày 16-8-1969, tại Phúc Vĩnh, tỉnh Phước Long; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 934[b] ngày 22-02-1977.

Mẹ HOÀNG THỊ HƯỜNG

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Chư: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 4-1949; hy sinh ngày 02-4-1950, tại Quân khu Tả Ngạn; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1747[B] ngày 01-6-1959.

Mẹ VŨ THỊ DỄ

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Xuân Đản: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 3-1950; đơn vị tại ngũ P4; hy sinh ngày 01-5-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 459[b] ngày 11-8-1976.

Mẹ ĐÀO THỊ KHIẾU

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ-CTN ngày 17-12-2002.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Lưu Khánh: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 23-5-1965; Bằng Tổ quốc ghi công số 3e 712^{e} ngày 04-7-1966.
2. Liệt sĩ Vũ Đỗ Lân: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 6-1968; hy sinh ngày 03-12-1969, tại Mặt trận miền Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 517^{b} ngày 05-4-1977.
3. Liệt sĩ Vũ Đỗ Bính: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 5-1971; đơn vị tại ngũ C12/KT; hy sinh ngày 02-6-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GA 732^{B} ngày 20-6-1973.

Mẹ VŨ THỊ LIÊU

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1759/QĐ-CTN ngày 08-12-2008.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Đình Chuyển: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 7-1953; đơn vị tại ngũ QK Tả Ngạn; hy sinh ngày 28-10-1953, tại tỉnh Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1706^{B} ngày 01-6-1959.

Mẹ ĐOÀN THỊ BÙNG

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lợi: Sinh năm 1930; đơn vị tại ngũ C30 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 4-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 901^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cao: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả Ngạn; hy sinh tháng 6-1951, tại Bình Lục, tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ZA 214^{b}/CL ngày 27-02-1957.

Mẹ TRƯƠNG THỊ BÉ

Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Kim: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 3-1967; hy sinh ngày 21-7-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 858[b] ngày 05-7-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thành: Sinh năm 1960; hy sinh tháng 3-1979; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D 882[b] tháng 12-1979.

Mẹ TRỊNH THỊ BÀO

Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Được: Sinh năm 1916; hy sinh ngày 01-11-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số 410KP ngày 10-02-1998.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Văn Đông: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 01-1970; hy sinh ngày 12-4-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 358[b] ngày 16-10-1975.

Mẹ TRẦN THỊ CHI

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tuy: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 20-4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 634[k]/CL ngày 04-5-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mịch: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1951; đơn vị tại ngũ C19 Quân khu Tả Ngạn; hy sinh năm 1952, tại đường số 39; Bằng Tổ quốc ghi công số ZG 278[b] ngày 24-3-1957.

Mẹ ĐẶNG THỊ DOAN

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoa Văn Sâm: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1951; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả Ngạn; hy sinh tháng 5-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số QX 741[b] ngày 19-12-1964.
2. Liệt sĩ Hoa Văn Thục: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 6-1965; hy sinh ngày 09-6-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số QE 398[b] ngày 05-02-1976.

Mẹ VŨ THỊ ĐẢNG

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Minh Tuấn: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 02-1964; đơn vị tại ngũ C7 D2 E174; hy sinh ngày 20-7-1970, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 201[bm] ngày 31-3-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Minh Hùng: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 10-7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 500[bm] ngày 05-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ LUẬN

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nụ: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 8-1971; đơn vị tại ngũ C1-D19; hy sinh ngày 04-12-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HS 082[b]/CL ngày 04-6-1989.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thanh Bình: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 27-7-1985, tại Cao Xạ F4; Bằng Tổ quốc ghi công số 95[bT] ngày 04-6-2003.

Mẹ ĐÀO THỊ GHI

Năm sinh: 1924; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Dần: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 02-1964; hy sinh ngày 28-12-1968, tại E316 F174; Bằng Tổ quốc ghi công số IG 929[b] ngày 22-02-1977.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Hải: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 01-1971; hy sinh ngày 15-11-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 242[b] ngày 01-4-1977.

Mẹ ĐỖ THỊ PHƯỚC

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phùng Quốc Hưng: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 06-1968; hy sinh ngày 15-5-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 499[b], 266/TTga ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Phùng Quốc Huân: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ D584 KB; hy sinh ngày 15-02-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 967[b] ngày 22-7-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ XẾP

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phùng Văn Tựa: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 21-6-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số QH 334[b] ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Trịnh Đức Nuôi: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ C385 D868-E48-F320; hy sinh ngày 07-4-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 591[b] ngày 17-11-1976.

Mẹ VŨ THỊ ĐỖ

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Vịnh: Sinh năm 1934; nhập ngũ ngày 20-10-1952; đơn vị tại ngũ E42 QK Tả Ngạn; hy sinh ngày 07-3-1954, tại Trương Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZG 311^{b}/CL ngày 19-12-1969.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Điều: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 02-1966; hy sinh ngày 10-12-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 220^{b} ngày 01-4-1977.

Mẹ ĐẶNG THỊ HẤP

Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1935
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Xuân: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 25-8-1951, tại Trung Dũng, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 083^{bp} ngày 04-6-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ MỸ

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Giản: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 7-1961; hy sinh ngày 04-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 851^{B} ngày 01-9-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thanh: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 02-1950; đơn vị tại ngũ DK2 KTN; hy sinh ngày 05-8-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số ZG 301^{B}/CL ngày 23-4-1957.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HỒ TÙNG MẬU

Mẹ PHẠM THỊ BÀI

Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1939
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Ngô: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 02-9-1950, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 1360[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ CHÍ

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Hiệu: Sinh năm 1933; hy sinh năm 1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 440[b] ngày 22-02-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ HAI

Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Bá Đảo: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 25-4-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 1254 BK015 ngày 30-7-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ KỈNH

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1966
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Di: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 21-12-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ELS 838[b] ngày 13-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHÂM

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Trụi: Sinh năm 1945; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 617[b].

Mẹ PHẠM THỊ NHIÊN

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1938
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Như Đường: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 22-4-1952, tại xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 031[bp]/CL ngày 06-6-2014.

Mẹ BÙI THỊ NGHỈU

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Công Uy: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 27-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BT 321[b] ngày 11-8-1978.

Mẹ NGUYỄN THỊ THO

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1941
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Ban: Sinh năm 1925; hy sinh tháng 12-1949, tại xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 625[c] ngày 04-5-1959.

Mẹ LÊ THỊ CA

Năm sinh: 1926; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Dừa.

Mẹ PHẠM THỊ LÊ

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nhữ Quang Triệu: Sinh năm 1933; hy sinh tháng 5-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 143[B] ngày 31-3-1972.

Mẹ PHẠM THỊ NHUNG

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Phước: Sinh năm 1925; hy sinh năm 1953, tại Hà Nội.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÔN

Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1934
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Dui: Sinh năm 1923; hy sinh năm 1951, tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 027[b] ngày 31-3-1972.

Mẹ ĐÀO THỊ HÈ

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Phú Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mở: Sinh năm 1954; hy sinh ngày 20-9-1973, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 857[b] ngày 20-02-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mầm: Sinh năm 1951; hy sinh ngày 02-9-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 562[b] ngày 11-8-1976.

Mẹ VŨ THỊ LÁN

Năm sinh: 1928; năm từ trần: 2015
Quê quán: Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Như Gia: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 08-10-1967, tại Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số AM 585[c] ngày 24-4-1968.
2. Liệt sĩ Phạm Như Toán: Sinh năm 1967; hy sinh năm 1988, tại Biên giới phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 812[b] ngày 24-7-1988.

Mẹ BÙI THỊ LẤP

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Diểm: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 16-10-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 034[b] ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Diễm: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 29-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 272[b]/CL ngày 28-12-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHIÊU

Năm sinh: 1923
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Xuân Hẹ: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 06-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 601[b]/CL ngày 21-4-2008.
2. Liệt sĩ Lê Xuân Đen: Sinh năm 1961; hy sinh ngày 18-9-1980, tại Biên giới phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số 5AA 388[b] ngày 12-6-1981.

Mẹ TRẦN THỊ QUỐC

Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1988
Quê quán: Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Như Dân: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 29-11-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 180/CL ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Phạm Như Nam: Sinh năm 1953; hy sinh ngày 09-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 699[b] ngày 18-5-1974.

Mẹ TRẦN THỊ SOÁT

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Xuân Triệu: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 25-3-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 150[b] ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Lê Xuân Trào: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 31-10-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 495[b] ngày 09-02-1973.

Mẹ TRẦN THỊ TƯỞNG

Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1965
Quê quán: Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Quang: Sinh năm 1951; hy sinh tháng 02-1979, tại Biên giới phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số 4G 356-CL.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Điện: Sinh năm 1956; hy sinh ngày 23-5-1974, tại tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 224[b] ngày 20-4-1974.

Mẹ PHẠM THỊ CỐM

Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Như Tiệp: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 14-8-1948, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 047[kp]/CL ngày 23-12-2013.
2. Liệt sĩ Phạm Như Đáng: Sinh năm 1935; hy sinh ngày 12-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 045[b]/CL.

Mẹ TRẦN THỊ HÀ

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Trương Đình Ngẩn: Sinh năm 1910; hy sinh tháng 8-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 735[k] ngày 01-4-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trương Thị Nha: Sinh năm 1933; hy sinh tháng 8-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZP 738[k] ngày 01-4-1959.

Mẹ PHẠM THỊ HỘ

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Lưỡng: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 25-4-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MO 248[b] ngày 29-6-1970.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Nhường: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 24-4-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 993[b] ngày 10-4-1968.

Mẹ ĐÀO THỊ KẸO

Năm sinh: 1887; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Hoa: Sinh năm 1923; hy sinh năm 1948, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 046[b] ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Kế: Sinh năm 1925; hy sinh tháng 11-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 080[b] ngày 31-3-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ MAY

Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1935
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Trọng Nộm: Sinh năm 1912; hy sinh ngày 19-4-1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 083[k] ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Phạm Trọng Biền: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 20-02-1947, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 007[b] ngày 31-3-1972.

Mẹ LÊ THỊ VÒ

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Đức Thạo: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 06-01-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CB 616[b] ngày 20-5-1972.
2. Liệt sĩ Trần Đức Tụng: Sinh năm 1932; hy sinh năm 1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số OC 190[b] ngày 25-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ VƯỢT

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1920
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trương Đình Dân: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 28-8-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 033[bp]/CL.
2. Liệt sĩ Trương Đình Hữu: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 10-8-1950, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 045[b]/CL.

Mẹ PHẠM THỊ YÊN

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Kha: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 14-4-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 094[B] ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Xuồng: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 20-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 784[b] ngày 03-6-1971.

Mẹ TRẦN THỊ DÈ

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Phú: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 25-12-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 901[b] ngày 07-3-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Thọ: Sinh năm 1931; hy sinh năm 1950, tại tỉnh Bắc Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1306[b].

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HỒNG QUANG

Mẹ NGUYỄN THỊ PHÍCH

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Dích: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 13-01-1948.

Mẹ NGUYỄN THỊ VẢNG

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Trượng: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 26-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NK 378[B] ngày 04-9-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ Ê

Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Sỹ Kính: Sinh năm 1926, hy sinh năm 1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 082[b].
2. Liệt sĩ Vũ Sỹ Đĩnh: Sinh năm 1940; hy sinh tháng 12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 5S 300[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ KHÁI

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiểu: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1944; hy sinh ngày 24-4-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số SC 633K.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phiếu: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 02-1952; đơn vị tại ngũ E304; hy sinh ngày 23-4-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 592^{B}.

Mẹ TRẦN THỊ NHỠ

Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tính: Sinh năm 1954; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ D52, tỉnh đội Bình Định; hy sinh ngày 08-9-1970, tại An Khánh - An Nhơn - tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số OL 970^{b} ngày 25-02-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bản: Sinh năm 1968; nhập ngũ năm 1986; đơn vị tại ngũ d19-QK3; hy sinh ngày 20-10-1988, tại Tiên Yên - Ba Chẽ; Bằng Tổ quốc ghi công số CV 346^{bt} ngày 08-7-1991.

Mẹ NGUYỄN THỊ BƠI

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1951
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Dũng: Sinh năm 1930; hy sinh tháng 12-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3245^{b}.
2. Liệt sĩ Lê Văn Sứ: Sinh năm 1928; hy sinh tháng 11-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 209^{bp}.

Mẹ VŨ THỊ DUY

Năm sinh: 1884; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Thung: Sinh năm 1915; đơn vị tại ngũ xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 18-8-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số JB 1269[k].
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Dung: Sinh năm 1923; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 13-01-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số JB 1187K.

Mẹ NGUYỄN THỊ DUỘM

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Cảnh Chiến: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 01-9-1966; hy sinh năm 1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VY 551[b] ngày 22-3-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Cảnh Đình: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 6-1971; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 411[b] ngày 11-01-1973.

Mẹ PHẠM THỊ HỊNH

Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Gia Thông: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 7-1965; hy sinh ngày 26-7-1976, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 348[pE].
2. Liệt sĩ Phạm Văn Hường: Sinh năm 1960; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 15; hy sinh ngày 04-3-1979, tại Mặt trận phía Bắc (tỉnh Lạng Sơn); Bằng Tổ quốc ghi công số 9D 674[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ KHẮC

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Vũ Sỹ Khoái: Bằng Tổ quốc ghi công số GC 097^{cp} ngày 21-4-2003.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Vũ Sỹ Thắng: Nhập ngũ ngày 22-7-1968; hy sinh ngày 15-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UY 687^{b} ngày 05-4-1977.

Mẹ HOÀNG THỊ MÀI

Năm sinh: 1933
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Sỹ Hải: Sinh năm 1958; nhập ngũ tháng 8-1978; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 111 Sư 325^{A} QĐ2; hy sinh ngày 18-01-1979, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ZAA 151^{b}.
2. Liệt sĩ Vũ Sỹ Thanh: Sinh năm 1961; nhập ngũ ngày 24-11-1978; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 115 Sư 327; hy sinh ngày 03-3-1979, tại Mặt trận Biên giới phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D 874^{b}.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HỒNG VÂN

Mẹ NGUYỄN THỊ NUÔI

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Phụng: Sinh năm 1947; đơn vị tại ngũ C1-KB; hy sinh ngày 28-11-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 840[b] ngày 21-5-1974.

Mẹ PHẠM THỊ SỒI

Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Khải Hoàn: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 01-1960; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 28-02-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 212[b] ngày 16-4-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGẠCH

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thi: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 08-1967; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 17-4-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 259[b] ngày 09-7-1973.

Mẹ TRẦN THỊ HỢP

Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 22-4-1997.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Uông Văn Bàng: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 10-10-1948; đơn vị tại ngũ Đại đội 27; hy sinh ngày 10-10-1951, tại Trương Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 388^{bp} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Uông Văn Khoa: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 03-4-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số QS 713 TCL.

Mẹ NGUYỄN THỊ LANG

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Căn: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 20-4-1952, tại xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 548^{cp} ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHOẸT

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212/QĐ-CTN ngày 18-11-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tiền: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 03-1966; đơn vị tại ngũ c1d63r; hy sinh ngày 25-10-1965, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 682^{b}/CL ngày 19-12-1970.

Mẹ ĐỖ THỊ MUỘN

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phin: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ Kb; hy sinh ngày 19-02-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số EK 328[b] ngày 12-4-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ba: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh tháng 10-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số AY 504[b] ngày 01-6-1976.

Mẹ TRỊNH THỊ NHẤT

Năm sinh: 1930
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Chiện: Sinh năm 1931; đơn vị tại ngũ E58 F365; hy sinh ngày 04-6-1975, tại A Lưới, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 815[b] ngày 22-02-1977.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Xuân Chiên: Sinh năm 1955; nhập ngũ ngày 01-01-1971; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Sa Đéc; hy sinh ngày 08-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 797[b] ngày 22-12-1977.

Mẹ QUÁCH THỊ TÚ

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lung: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 9-1972; đơn vị tại ngũ D2-Kb; hy sinh ngày 13-10-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QL 230[b] ngày 07-02-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tầm: Nhập ngũ ngày 30-01-1966; hy sinh tháng 3-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 190[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ THIỄM

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tê: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 01-1959; đơn vị tại ngũ E919; hy sinh ngày 07-02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 929[b] ngày 23-12-1969.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Năm: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 31-5-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 262[b] ngày 02-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ DÒ

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mễ: Sinh năm 1926; đơn vị tại ngũ xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 11-11-1953, tại Bốt Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 404[kp] ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Xuyềnh: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 08-3-1950, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1024[b]/CL ngày 01-6-1959.

Mẹ ĐỖ THỊ ĐŨA

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hồng Trường: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 03-8-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QY 607[p].
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Hợp: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 7-1963; đơn vị tại ngũ K13; hy sinh ngày 20-12-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 520[b] ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ LÝ

Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Mạnh Thuyết: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 04-1968; đơn vị tại ngũ D1 E16; hy sinh ngày 13-5-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 190^{b} ngày 01-3-1977.
2. Liệt sĩ Trần Quang Tâm: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 12-1969; đơn vị tại ngũ A.B.M.T; hy sinh ngày 05-9-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VY 174^{bm}/CL.

Mẹ TRẦN THỊ LƯƠN

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn San: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 04-1962; đơn vị tại ngũ C20 - KT; hy sinh ngày 25-7-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 940^{b} ngày 30-12-1970.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thanh Hải: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 02-1968; đơn vị tại ngũ KT; hy sinh ngày 25-9-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số G 279.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGẨN

Năm sinh: 1919
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Việt Hòa: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 04-1968; đơn vị tại ngũ F304; hy sinh ngày 16-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 334^{b} ngày 28-12-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Thiện: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 02-1967; đơn vị tại ngũ F312; hy sinh ngày 13-6-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 546^{b} ngày 14-01-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ LẠCH

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mỳ: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 12-1946; đơn vị tại ngũ Đại đội 16; hy sinh ngày 26-01-1947, tại Bốt Cầu Treo; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 066[b] ngày 01-12-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mít: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 07-1950; đơn vị tại ngũ Đại đội 30; hy sinh ngày 05-7-1953, tại Đê 99; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 292[bp] ngày 07-10-2003.

Mẹ TRẦN THỊ THẾP

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Toàn: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 9-1966; hy sinh ngày 15-9-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số BI 329[b] ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Trần Quang Tuyên: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966; đơn vị tại ngũ P1; hy sinh ngày 23-12-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số G 27906.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NGUYỄN TRÃI

Mẹ CHU THỊ NHỊ

Năm sinh: * ; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1990.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Tròn: Sinh năm 1931; hy sinh ngày 12-5-1950, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 19-01-1961.

Mẹ NGUYỄN THỊ THỀM

Năm sinh: * ; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1993.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Sức: Hy sinh ngày 08-9-1950, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XK 759 ICL ngày 19-01-1961.

Mẹ LÝ THỊ NHÀN

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1982
Quê quán: Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệt: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 14-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 293[b] ngày 02-7-1973.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ BÔNG

Năm sinh: 1921
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 06-12-1994.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Kháng chiến hạng Ba.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Son: Sinh năm 1920; Bằng Tổ quốc ghi công số EO 161 ngày 29-8-2001.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Văn Sẻ: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 09-6-1987, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Au 8561 ngày 08-10-1971.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẠ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 07-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cửu: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 22-12-1946, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 04-5-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ MÃO

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 304 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng: Sinh năm 1927; nhập ngũ tháng 7-1953; hy sinh tháng 10-1954, tại tỉnh Lào Cai; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 305[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ NỤ

Năm sinh: * ; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Bá Năng: Sinh năm 1950, đơn vị nhập ngũ D810; hy sinh ngày 01-02-1971 (hoặc 01-12-1971), tại xã Hiệp Thạch, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Bằng Tổ quốc ghi công số ngày 01-02-1971.

Mẹ VŨ THỊ DẤU

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Khắc: Sinh năm 1906; hy sinh năm 1950, tại Bốt Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 176 TTg ngày 04-5-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Chí Lanh: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1968; hy sinh năm 1970, tại Mặt trận phía Nam-chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 01-9-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ MUỐM

Năm sinh: 1906; năm từ trần: *
Quê quán: Phương Trù, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 241 ngày 24-4-1996.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Thêm: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ xã Trần Quốc Tuấn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 15-7-1950, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Z^b 771-KCL ngày 01-4-1959.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Nếm: Sinh năm 1920; đơn vị tại ngũ xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 26-4-1948, tại xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐX 317^b-CL ngày 19-01-1961.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ LÊ THỊ BA

Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1889
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Bẩm: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 27-10-1953, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 313^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Phạm Xuân Hải: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 09-9-1972, tại Quảng Nam-Đà Nẵng; Bằng Tổ quốc ghi công số HZ 019^{b}.

Mẹ NGUYỄN THỊ BẤT

Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Quang Kiêm: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1968; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 613^{b} ngày 17-01-2012.
2. Liệt sĩ Trần Quang Khiêm: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 21-01-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 942^{b}/CL ngày 17-6-2008.

Mẹ CÙ THỊ MÀI

Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Lung: Sinh năm 1918; nhập ngũ năm 1943; đơn vị tại ngũ huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 11-7-1945, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Z^{A} 403c/CL.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Tẩy: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 01-1949; đơn vị tại ngũ E48-Sư 320; hy sinh ngày 24-4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 339^{b}/CL ngày 23-4-1957.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ TẠ THỊ NGỰ

Năm sinh: 1919
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Ngô Văn Khánh: Sinh năm 1953; nhập ngũ ngày 29-12-1970; hy sinh ngày 21-5-1972, tại thị xã Kon Tum; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 396[b] ngày 26-12-1973.
2. Liệt sĩ Ngô Thị Ánh: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 07-9-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 396K ngày 26-12-1973.

Mẹ TẠ THỊ QUYẾT

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nghiêm Xuân Bính: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1972; hy sinh ngày 29-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Qy 497[b] ngày 17-6-2008.
2. Liệt sĩ Nghiêm Đức Bình: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1972; hy sinh ngày 29-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 274[b] ngày 15-4-1977.

Mẹ PHẠM THỊ SINH

Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Đắp: Sinh năm 1916; hy sinh ngày 17-8-1949, tại xã Đại Quan, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 137[b]/CL.
2. Liệt sĩ Lê Đức Thiệp: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 09-5-1968, tại Mặt trận Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 887[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ TẨM

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Ngộ: Sinh năm 1934; hy sinh tháng 10-1952, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 314[b]/CL ngày 13-01-1961.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Ký: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 20-4-1967, tại Hà Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số AM 424[c]/CL ngày 01-3-1968.

Mẹ CÙ THỊ TẾ

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1967

Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nghe: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 20-02-1950, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ 157[kp] ngày 29-8-2001.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhĩ: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1948; đơn vị tại ngũ cán bộ A C22 Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 25-8-1952, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 191[b] ngày 23-4-1957.

Mẹ NGUYỄN THỊ THE

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tạ Xuân Xuyên: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 10-8-1969, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 856[b].
2. Liệt sĩ Tạ Xuân Chí: Sinh năm 1956; nhập ngũ tháng 9-1972; hy sinh ngày 22-7-1974, tại Tuy An-Phú Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 858[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ XA

Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Lãng: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ Trung đoàn bộ-Trung đoàn 102-Sư đoàn 308; hy sinh ngày 10-9-1972, tại Mặt trận phía Nam quân khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công số 291 TTga ngày 09-7-1973, GD 446^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khiết: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 8-1965; đơn vị tại ngũ E66-F304; hy sinh ngày 31-3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công SA 591^{b}/CL ngày 11-8-1976.

Mẹ PHẠM THỊ SỪ

Năm sinh: 1884; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lưỡng: Hy sinh ngày 01-01-1947, tại Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 308^{b}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lượng: Hy sinh ngày 01-01-1947, tại Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 309^{b}.

Mẹ NGUYỄN THỊ TỤY

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Quý: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 01-8-1969, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 382 TTga ngày 11-8-1976, SA 525^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Vinh: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 15-3-1972, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công NB 398^{b}/CL ngày 18-8-1974.

Mẹ HOÀNG THỊ TÝ

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 2011
Quê quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Ngạn: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C5-D11 đơn vị 6320; hy sinh ngày 07-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 916[b].
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mùa: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ C2-D404-KN; hy sinh ngày 15-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 471[b].

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHÙ ỦNG

MẸ VŨ THỊ BẬT

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Kiểu: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 05-1971; hy sinh ngày 22-10-1974, tại tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TP 092[b].

Mẹ LÊ THỊ BIỂN

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Xứng: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 8-1962; hy sinh ngày 28-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 339.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Đến: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 10-1963; hy sinh ngày 03-10-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 451[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ HÀNG

Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hưởng: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh năm 1969; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 901[b] ngày 22-10-1977.

Mẹ VŨ THỊ LƯỢT

Năm sinh: 1903; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Xuân Mạnh: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 6-1961; hy sinh ngày 14-5-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số ST 114/CL ngày 31-12-1976.

Mẹ PHẠM THỊ TUYẾT

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 574 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Định: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 12-7-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 589[b].

Mẹ CHU THỊ XẶT

Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1960
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Ngô Văn Sót: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 15-4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 216[bp] ngày 07-10-2003.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐỖ THỊ SOÁT

Năm sinh: 1907; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Mạ: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 7-1946; hy sinh ngày 25-01-1949, tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Mẹ TRƯƠNG THỊ LIÊN

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 9-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hoàng Hải: Sinh năm 1923; đơn vị tại ngũ Đại Đoàn 308; hy sinh ngày 24-02-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số gx 889[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ NHƯ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 9-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Ngọc Minh: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 02-01-1972.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ BÙI THỊ CÀNH

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Có: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ D7 E3 F304; hy sinh ngày 31-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 263^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Phạm Xuân Sang: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 5-1971; đơn vị tại ngũ D1 E48; hy sinh ngày 24-5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GA 817^{bn}/CL.

Mẹ PHẠM THỊ BỨC

Năm sinh: 1913 ; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Phiệt: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 8-KB; hy sinh ngày 23-3-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 895^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Phạm Thế Duyệt: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 3; hy sinh ngày 31-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PM 275^{b}/CL.

Mẹ NGÔ THỊ ĐỤP

Năm sinh: 1923 ; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Hoàng Văn Thiếu: Sinh năm 1919; nhập ngũ tháng 6-1947; hy sinh ngày 02-8-1952, tại Phú Xuyên, Hà Đông; Bằng Tổ quốc ghi công số yz 177^{B}/CL ngày 22-12-1958.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Hoàng Ngọc Tiếu: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 6-1962; đơn vị tại ngũ thuộc NB; hy sinh ngày 20-9-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 604^{b}.

Mẹ VŨ THỊ HUYỀN

Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Duy Nho: Sinh năm 1924; hy sinh ngày 30-6-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 499^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Vũ Duy Nghiễm: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 14-01-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 396^{bp}.

Mẹ VŨ THỊ ÍT

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Quang Thiệu: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh ngày 29-9-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GA 760^{b} ngày 21-6-1973.
2. Liệt sĩ Lê Duy Giống: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1965; hy sinh ngày 01-4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số SH 570^{bm}/CL ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHÁU

Năm sinh: 1928; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Thủy: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 02-1951; hy sinh ngày 20-7-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 1271^{K}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Lưu: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 01-1950; đơn vị tại ngũ Trung Đoàn 66; hy sinh ngày 12-4-1953 tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1371^{K}.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ QUẢNG LÃNG

Mẹ BÙI THỊ ÁI

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 794 KT/CTN ngày 17-12-1991.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Môn: Sinh năm 1920; hy sinh năm 1950, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 1366[b].

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐẨU

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 794 KT/CTN ngày 17-12-1991.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Minh Đạo: Sinh năm 1940; nhập ngũ ngày 10-7-1967; hy sinh ngày 05-3-1972, tại Mặt trận phía Nam, tỉnh Gia Lai; Bằng Tổ quốc ghi công số 252 ga 749[b] ngày 21-6-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ VẠI

Năm sinh: 1902; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 07-11-1998.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhuần: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 11-11-1953, tại xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐE 753[kp] ngày 13-01-1997.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mạc: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 07-5-1954, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 53-DX 274/CL ngày 08-02-1961.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ BÙI THỊ CẨM

Năm sinh: 1890; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phóng: Sinh năm 1929; hy sinh năm 1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1027[b].
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Viển: Sinh năm 1916; hy sinh năm 1954, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 781[k].

Mẹ NGUYỄN THỊ BÉ

Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lưu Nguyện: Sinh năm 1944; hy sinh ngày 04-6-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 62 KR 629[b] ngày 20-02-1974.
2. Liệt sĩ Lưu Quang Phi: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 26-9-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 234 VA 947[b] ngày 01-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ HIỂN

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Chí Tiêu: Sinh năm 1946; hy sinh năm 1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 191[b].
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chiến: Sinh năm 1949; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GA 730[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ BÙI THỊ HÀ

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Lê Hữu Cốc: Sinh năm 1909; hy sinh ngày 17-01-1950, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DL 687[cp].
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Lê Thanh Mỉnh: Sinh năm 1946; hy sinh tháng 10-1972, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 689[b]/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ MƯỜI

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bích: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 01-7-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 234[b] ngày 15-4-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Chí Cù: Hy sinh ngày 12-11- 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 433[bm]/CL ngày 07-01-1973.

Mẹ ĐOÀN THỊ TŨN

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 2003
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Vũ Văn Lận: Sinh năm 1912; hy sinh ngày 17-4-1951, tại xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 3202[c] ngày 08-02-1961.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Vũ Văn Cồi: Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 15-02-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số YY 031[b] ngày 13-6-1977.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐOÀN THỊ THÍT

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2013
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Thướng: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 16-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 131[b]/CL ngày 23-6-1973.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Tin: Sinh năm 1955; hy sinh ngày 16-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ST 128[b] ngày 23-6-1973.

Mẹ LƯU THỊ NHẮM

Năm sinh: 1910; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ -CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Cao Văn Mách: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 27-7-1972, tại Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số PD 818[b] ngày 01-12-1975.
2. Liệt sĩ Cao Văn Anh: Sinh năm 1944; hy sinh năm 1967, tại Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 601B.

Mẹ TRẦN THỊ BẨY

Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2016
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ -CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Oanh: Sinh năm 1944; hy sinh ngày 01-9-1968, tại phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 382 SA 622 ngày 11-8-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thăng Long: Sinh năm 1953; hy sinh ngày 18-3-1975, tại Gia Lai; Bằng Tổ quốc ghi công số QL 227[b] ngày 07-02-1976.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ CHU THỊ CÚC

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ -CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lưu Hợp Năm: Hy sinh ngày 16-7-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số OL 908[b] ngày 25-02-1975.
2. Liệt sĩ Lưu Văn Chanh: Hy sinh ngày 01-9-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 942[bm]/CL ngày 18-5-1974.

Mẹ ĐOÀN THỊ MAU

Năm sinh: 1898; năm từ trần : *
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ -CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lưu Quang Toan: Hy sinh tháng 3-1953, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 196b[b] ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Lưu Quang Toán: Hy sinh ngày 27-5-1972, tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số 68 QĐ/TTg 2773[b].

Mẹ ĐINH THỊ THEN

Năm sinh: 1880; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ -CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Yến: Sinh năm 1911; hy sinh ngày 08-02-1950, tại xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 1165/QĐTTga ngày 29-8-2001, EQ-194[cp].
2. Liệt sĩ Trần Văn Tiếu: Sinh năm 1913; hy sinh ngày 15-8-1950, tại xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 409[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ ƯƠM

Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ -CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhường: Sinh năm 1905; hy sinh ngày 06-5-1953, tại xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 083^{kp}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ca: Sinh năm 1921; hy sinh năm 1950, tại phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số XK 756K.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ QUANG VINH

Mẹ ĐỖ THỊ CÒM

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Khăm: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 01-02-1952, tại thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Mẹ NGUYỄN THỊ CAM

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1976
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Ninh: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 4-1967; đơn vị tại ngũ CTB; hy sinh ngày 01-7-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số CĐ 214B.

Mẹ ĐẶNG THỊ THA

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lương Xuân Hải: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1965; đơn vị tại ngũ KG; hy sinh ngày 26-5-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CH 676^{bm}/CL.

Mẹ TRẦN THỊ HOÀNH

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1976
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trịnh Quang Đỏ: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1962; đơn vị tại ngũ D51- BT34; hy sinh ngày 28-5-1969, tại Mặt trận Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 880^{b}/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ NẮNG

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Văn Từng: Sinh năm 1927; hy sinh năm 1952.
2. Liệt sĩ Bùi Văn Vừng: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 18-3-1951; đơn vị tại ngũ C30 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 18-4-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 241B/CL.

Mẹ TRẦN THỊ SI

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Ngô Văn Luân: Sinh năm 1924; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh ngày 28-3-1947, tại Gò Nở, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 993^{b} ngày 01-6-1959.

Mẹ ĐẶNG THỊ THƯỢC

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Quang Lũng: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1970; đơn vị tại ngũ C17 KH; hy sinh ngày 05-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HS 006B.

Mẹ PHẠM THỊ NƠI

Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 07-11-1998.
Con độc nhất là liệt sĩ Lương Quang Vinh: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ M22 V102 KB; hy sinh ngày 15-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PH 508[B].

Mẹ NGUYỄN THỊ NGẤN

Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hạnh: Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ E48-F320; hy sinh ngày 14-5-1972, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ TRỊNH THỊ ĐÃI

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Địa: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 5-1968; đơn vị tại ngũ D84 KB; hy sinh ngày 16-01-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 043[b].
2. Liệt sĩ Đặng Hồng Phong: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 5-1971; đơn vị tại ngũ C14 KT; hy sinh ngày 08-02-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PA 203[b].

Mẹ ĐINH THỊ HÀNH

Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khải: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1960; hy sinh ngày 09-8-1972 (01-7-1972), tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NM 833[c]/CL ngày 06-8-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Đài: Sinh năm 1949; nhập ngũ 1968; hy sinh ngày 18-8-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 386[b] ngày 09-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ HY

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Huy Hán: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 6-1950; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 03-8-1951, tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 125[c]/CL.
2. Liệt sĩ Vũ Huy Động: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 02-1952; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 27-02-1954, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 960[Bp]/CL.

Mẹ PHAN THỊ LIÊN

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Bá Thìn: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 02-1960; đơn vị tại ngũ CTB; hy sinh ngày 09-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 515B.
2. Liệt sĩ Đỗ Như Lang: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ C150 D237; hy sinh ngày 10-5-1970, tại tỉnh Quảng Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 292^{b}/CL.

Mẹ LƯU THỊ THỬ

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Đình Phát: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 6-1965; đơn vị tại ngũ CTB Tổng Cục chính trị; hy sinh ngày 16-4-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 275^{b} ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Thắng: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ DS82 KH; hy sinh ngày 11-11-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HS 134^{b} ngày 30-10-1973.

Mẹ TRẦN THỊ VINH

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Thái Sơn: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 10-1960; hy sinh ngày 27-11-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 531^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Đỗ Trọng Hòa: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 8-1967; đơn vị tại ngũ C24 KT; hy sinh ngày 26-5-1968, tại Mặt trận Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số AH 731^{b}/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHI

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Minh Đệ: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 30-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 174[L] ngày 16-4-1974.
2. Liệt sĩ Vũ Sĩ Hùng: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 29-3-1970, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỠN

Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Anh Tuấn: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 05-02-1950, tại xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 702C/CL.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Đường: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 02-1952; đơn vị tại ngũ Sư 316; hy sinh ngày 02-3-1954, tại tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4571[b].

Mẹ ĐỖ THỊ TRINH

Năm sinh: 1880; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phan Văn Mâu: Sinh năm 1916; hy sinh ngày 12-02-1947, tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1861[B].
2. Liệt sĩ Phan Văn Kiều (Tiến): Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 04-9-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1849[B].

Mẹ PHẠM THỊ YÊN

Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Chính: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 10-1967; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 11-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 167^{b}/CL.
2. Liệt sĩ Trần Văn Xá: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ C1 D1 E48; hy sinh ngày 10-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 194^{b}/CL.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TÂN PHÚC

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỀ

Năm sinh: 1902; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Tống: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 02-1949; hy sinh tháng 10-1952, tại xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 1947[k] ngày 15-12-1960.

Mẹ ĐỖ THỊ TÝ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Chè: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 18-3-1966, tại tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số BB 242[b] ngày 03-10-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ KIỆM

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cần: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 05-02-1953, tại Cầu Đìa, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 264[bp] ngày 01-02-1958.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ SÚC

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phan Văn Hiến: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 5-1950; hy sinh ngày 12-02-1952, tại Cao Xá, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1842[b] ngày 03-6-1971.

Mẹ HÀ THỊ TỀ

Năm sinh: * ; năm từ trần: 1949
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Đình Toản: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 06-01-1967, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ ĐẶNG THỊ XUÂN

Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Minh Tuân: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 8-1971; hy sinh ngày 05-7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 900[b] ngày 22-7-1995.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐẶNG THỊ TÔ

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lâm Văn Năm: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 12-1969; hy sinh ngày 21-9-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 099^{b} ngày 05-6-1976.
2. Liệt sĩ Lâm Văn Huyền: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 3-1967; hy sinh ngày 26-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 827^{bm}/CL ngày 03-02-1979.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TIỀN PHONG

Mẹ NGUYỄN THỊ LŨNG

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1998

Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 494 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lợi: Sinh năm 1930; đơn vị tại ngũ chiến sĩ 316 Điện Biên Phủ; hy sinh ngày 24-3-1954, tại Điện Biên Phủ.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ

Năm sinh: 1929; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1759/QĐ-CTN ngày 08-12-2008.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Xuân Nhu: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 10-1972; đơn vị tại ngũ Đại đội 42, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 12 F2KN; hy sinh ngày 26-5-1974, tại Hoài Châu-Hoài Nhơn-tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số TB 968^{b} ngày 30-11-1976.

Mẹ LÊ THỊ KHOẢNG

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1998
Quê quán: huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tạ Văn Doanh: Hy sinh ngày 01-3-1971, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 366^{b}.
2. Liệt sĩ Tạ Văn Bình: Sinh năm 1955; hy sinh ngày 26-6-1982; Bằng Tổ quốc ghi công số M 335^{bT} ngày 18-5-1983.

Mẹ HOÀNG THỊ LẨY

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Cất: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C12 D9 E66 F304; hy sinh ngày 01-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 648 ngày 21-6-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Ất: Sinh năm 1952; đơn vị tại ngũ Đại đội 5 Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 46; hy sinh ngày 10-3-1979, tại mặt trận Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 503^{b} ngày 28-11-1979.

Mẹ PHẠM THỊ NHƯỜNG

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Huấn: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 3KB/MT; hy sinh ngày 16-9-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 942^{b}/CL ngày 02-3-1974.
2. Liệt sĩ Phạm Hồng Thái: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 5-1971; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 40-KT; hy sinh ngày 05-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 497^{b} ngày 26-12-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ THẨM

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Khuôn: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 6-1965; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 559; hy sinh ngày 14-6-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 165^{b} ngày 19-11-1969.
2. Liệt sĩ Trần Văn Vác: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 10-1966; hy sinh ngày 04-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 039^{b}/CL ngày 04-3-1977.

Mẹ QUÁCH THỊ HƯNG

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Trung: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 02-1947; đơn vị tại ngũ C88 D28 F308; hy sinh ngày 16-9-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 715^{b}/CL ngày 09-6-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tâm: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 3-1952; đơn vị tại ngũ C12 E66; hy sinh ngày 04-4-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số OĐ 873^{b} ngày 20-11-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ KẸO

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Thành Chung: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 01-1961; đơn vị tại ngũ NB; hy sinh ngày 20-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số YA 832^{p} ngày 13-5-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hiếu: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1968; đơn vị tại ngũ C2 D3 E16; hy sinh ngày 15-12-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 283^{b} ngày 01-3-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỚN

Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1971

Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Năm: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 02-1952; đơn vị tại ngũ Điện Biên Phủ; hy sinh ngày 03-5-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 653^{b} ngày 07-01-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phán: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 10-1950; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả ngạn; hy sinh tháng 4-1955, tại xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 099^{b} ngày 31-3-1972.

Mẹ VŨ THỊ KHAI

Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chính: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 06-1949; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh tháng 8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số DX 245^{b} ngày 19-01-1961.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nến: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 02-1947; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh tháng 3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 293^{bp} ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ THÌN

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Chồng là liệt sĩ Vũ Văn Chiểu: Sinh năm 1909; nhập ngũ tháng 4-1947; hy sinh ngày 20-4-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 49/^{kp}/CL ngày 04-5-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Lê Văn Phụng: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 10-1949; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh ngày 11-7-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 729^{bp}/CL ngày 19-12-1954.

Mẹ TRẦN THỊ MƠ

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Trai: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 9-1952; đơn vị tại ngũ xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 8-1953, tại xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 489K ngày 14-5-1959.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Chiến: Sinh năm 1931; nhập ngũ ngày 16-02-1949; đơn vị tại ngũ C30 huyện đội Ân Thi; hy sinh ngày 24-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 266^{bp} ngày 08-11-2006.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ VĂN NHUỆ

Mẹ PHẠM THỊ NHẪM

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn May: Hy sinh ngày 12-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 336^{bp} ngày 07-10-2003.

Mẹ TRƯƠNG THỊ PHÈN

Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Kiểm: Hy sinh ngày 20-10-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 527^{kp}/CL ngày 04-5-1959.

Mẹ TRƯƠNG THỊ NUÔI

Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trương Văn Cung: Hy sinh ngày 09-01-1950, tại Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số Dx 259B ngày 19-01-1961.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ PHẠM THỊ CUA

Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1972
Quê quán: Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Chu Văn Thi: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 4-1966; hy sinh ngày 01-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UY 349[b] ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Chu Văn Đua: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 4-1972; đơn vị tại ngũ C3 D4 E95 F325; hy sinh ngày 07-02-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HK 122.

Mẹ LÊ THỊ CỨ

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2007
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Thành tích của Mẹ: Huân chương Kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Chu Văn Trãi: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 14-7-1967; hy sinh năm 1974; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 094[b] ngày 01-12-1975.
2. Liệt sĩ Chu Văn Thục: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ Đ924 Trung đoàn E866, Sư đoàn 31; hy sinh ngày 04-01-1971, tại Mặt trận 31 Xiên Khoảng, Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 349[b]/CL ngày 13-6-1977.

Mẹ CHU THỊ HY

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Như Xuân: Hy sinh ngày 02-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số Ox 736[B] ngày 19-12-1964.
2. Liệt sĩ Lê Thành Dụng: Hy sinh ngày 29-6-1964; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 685[b] ngày 16-02-1970.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHIỄU

Năm sinh: 1910; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Tự: Hy sinh ngày 15-7-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 211^{bp} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Lê Văn Bao: Hy sinh ngày 23-4-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 204^{bp} ngày 07-10-2003.

** Chưa xác minh được thông tin*

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ VÂN DU

Mẹ NGUYỄN THỊ SÁNG (VÕ)

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394/KT- CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hoàn: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ PG; hy sinh ngày 31-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 600[b] ngày 11-8-1976.

Mẹ LÊ THỊ THIẾT

Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Tất Đông: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 10-1968; đơn vị tại ngũ q615; hy sinh ngày 05-4-1970, tại Mặt trận Thượng Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 817[b] ngày 24-01-1971.

Mẹ VŨ THỊ HẰNG

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 3-1996.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Nhì; Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Đình Vĩ: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 15-7-1948, tại Đặng Xá; Bằng Tổ quốc ghi công số AP 782[k] ngày 01-4-1959.
2. Liệt sĩ Trần Đình Cương: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 10-1946; đơn vị tại ngũ C14; hy sinh ngày 28-02-1947, tại Đường số 5; Bằng Tổ quốc ghi công số KG 244[b] ngày 23-4-1957.
3. Liệt sĩ Trần Thị Cúc (Bùi Thị Cúc): Sinh năm 1930; hy sinh ngày 29-3-1950, tại xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số KA 683[c] ngày 01-6-1959.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ NHỠ

Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 84 ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đình Kỷ: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 7-1950; đơn vị tại ngũ C14; hy sinh tháng 4-1954, tại tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 257 TTga ngày 02-7-1959.

Mẹ VŨ THỊ SÁU

Năm sinh: 1898 ; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 3-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Quang Lễ: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 3-1950; đơn vị tại ngũ E66; hy sinh ngày 13-3-1953, tại Phục Kích, Cầu Bồn, Hà Đông; Bằng Tổ quốc ghi công số 319[b] ngày 19-01-1961.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHIÊM

Năm sinh: 1894 ; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 3-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Xuân Sinh: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 02-01-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 465[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐẶNG THỊ NHƯỜNG

Năm sinh: 1930; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tạ Xuân Lực: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 01-1971; đơn vị tại ngũ D10; hy sinh ngày 06-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 886[b] ngày 02-3-1974.
2. Liệt sĩ Tạ Xuân Khỏe: Sinh năm 1960; nhập ngũ ngày 07-5-1978; đơn vị tại ngũ D8 E288 F325 tỉnh Quảng Ninh; hy sinh ngày 27-02-1979, tại Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số BT 159[b]/CL ngày 14-4-2008.

Mẹ ĐỖ THỊ PHƯỚC

Năm sinh: 1924 ; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lương Văn Thanh: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 03-1967; đơn vị tại ngũ C3 D4; hy sinh ngày 03-3-1968, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số M0 704[b] CL ngày 21-7-1970.
2. Liệt sĩ Lương Văn Hoa: Sinh năm 1955; nhập ngũ tháng 3-1974; đơn vị tại ngũ KH5; hy sinh ngày 10-3-1975, tại huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 651[b] ngày 17-11-1975.

Mẹ LÊ THỊ XUYẾN

Năm sinh: 1915 ; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Hoàng Đình Địch: Sinh năm 1914; đơn vị tại ngũ xã Quang Trung; hy sinh ngày 16-4-1952, tại Xuân Nguyễn, xã Quang Trung ; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 569[c]/CL.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Hoàng Đình Vận: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 6-1969; đơn vị tại ngũ LK53; hy sinh ngày 23-7-1971, tại thôn 2, xã Phước Long, Phước Thành, tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 088[b] ngày 31-12-1976.

** Chưa xác minh được thông tin*

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ XUÂN TRÚC

Mẹ BÙI THỊ GIÒ

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 4-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Thế Gốc: Sinh năm 1912; nhập ngũ ngày 14-4-1949; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 27-01-1952, tại Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 252[b] ngày 23-4-1957.

Mẹ CAO THỊ TÝ

Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Văn Vàng: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ huyện đội Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh; hy sinh ngày 25-3-1954, tại Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 174[bp] ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1957
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Lác: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C9 D9 E66 F304; hy sinh ngày 05-6-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DB 297[b] ngày 03-10-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Mười: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 11-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ST 115[b] ngày 31-12-1976.
3. Liệt sĩ Nguyễn Đức Hợi: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 24-10-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ST 136[b] ngày 01-12-1976.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ THỊNH

Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Uy: Sinh năm 1931; nhập ngũ ngày 15-5-1952; đơn vị tại ngũ D88; hy sinh ngày 14-5-1954, tại Điện Biên, Lai Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 540 ngày 28-01-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Tuấn: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ F9KB; hy sinh ngày 01-02-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BA 274 ngày 21-7-1973.
3. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Diện: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 04-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BA 501[b] ngày 09-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ BỪNG

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1949
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Quang Hiến: Sinh năm 1933; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 304; hy sinh tháng 5-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 524[b] ngày 28-01-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ CẤY

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Sở: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ xã Quang Trung, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 18-7-1952, tại Cầu Xi, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 718[b] ngày 07-10-2003.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÀI

Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1948
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Cao Huy Vinh: Sinh năm 1919; nhập ngũ tháng 02-1946; đơn vị tại ngũ xã Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 07-6-1950, tại xã Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Mc 584[b] ngày 01-6-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ MỄ

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Cao Huy Hỗ: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 14-5-1951, tại Cầu Đìa, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 161[pb] ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI

Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lớp: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C22 D9 E3 F304; hy sinh ngày 04-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 720[b].

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ ĐẶNG THỊ QUẾ

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tựa: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C23E3; hy sinh ngày 04-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TM 103[b].

Mẹ HOÀNG THỊ SÁU

Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Hách: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Đoàn 22; hy sinh tháng 8-1951, tại Nhân La, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 254[b] ngày 23-4-1957.

Mẹ NGUYỄN THỊ VẸT

Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Duẩn: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ D312; hy sinh ngày 02-5-1954, tại Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 545[b] ngày 28-01-1975.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ LƯƠNG THỊ MIỆT

Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1939
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Luật: Sinh năm 1932; nhập ngũ ngày 05-3-1952; đơn vị tại ngũ D66; hy sinh ngày 06-7-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XY 313 ngày 06-7-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ HẠ

Năm sinh: * ; năm từ trần: *

Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Bầy: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 6-1949; hy sinh năm 1952.

Mẹ NGUYỄN THỊ ẨM

Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Viết Vịnh: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 5-1948; đơn vị tại ngũ C24 D24 E308; hy sinh ngày 30-8-1952, tại Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 319^{bp} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Viết Sinh: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1951; đơn vị tại ngũ F304; hy sinh ngày 09-11-1954, tại Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 585^{b} ngày 17-11-1976.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ CUA

Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Qua: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 01-1966; đơn vị tại ngũ D32 KH; hy sinh ngày 31-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 808[b]/CL ngày 18-6-2008.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vễnh C: Sinh năm 1943; đơn vị tại ngũ KT/MT; hy sinh ngày 05-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OL 992[b]/CL ngày 18-6-2008.

Mẹ LÊ THỊ BÈN

Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Chiêm: Sinh năm 1929; nhập ngũ ngày 05-3-1949; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh tham mưu; hy sinh ngày 18-3-1954, tại Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 501[b] ngày 28-01-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Bao: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ P3; hy sinh ngày 09-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 382, SA 498[b] ngày 11-8-1976.

Mẹ VŨ THỊ DUYÊN

Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Sính: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 9-1968; hy sinh ngày 10-7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số YY 101[b]/CL ngày 29-4-2008.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Sự: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1972; đơn vị tại ngũ F75 KB; hy sinh ngày 18-01-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 859/CL ngày 17-4-2008.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ NGUYỄN THỊ MIỆN

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vơ: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ C8 C30 Ân Thi; hy sinh năm 1952, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GI 170^{bp} ngày 18-11-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cơ: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ C30 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; hy sinh năm 1952, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DM 958^{bp} ngày 13-7-1974.

Mẹ LƯƠNG THỊ NGAN

Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Liêm: Sinh năm 1919; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ CT xã Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 01-4-1951, tại xã Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 095C^{p} ngày 21-4-2003.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Duy Cương: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 10-1961; hy sinh ngày 01-01-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 857^{b}/CL ngày 08-4-2008.

Mẹ TRỊNH THỊ TEM

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Đắc Phải: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 6-1965; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 25-7-1972, tại Mỹ Chính, Phú Mỹ, tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 833^{bm}/CL ngày 12-01-1972.
2. Liệt sĩ Bùi Đắc Cúc: Sinh năm 1946; nhập ngũ ngày 09-9-1966; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 21-01-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 545^{b} ngày 22-11-1974.

** Chưa xác minh được thông tin*

Mẹ LÊ THỊ THÁP

Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Viết Kiếm: Sinh năm 1919; nhập ngũ tháng 7-1950; đơn vị tại ngũ C30 huyện Ân Thi; hy sinh ngày 01-4-1951, tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1847[b] ngày 17-4-2008.
2. Liệt sĩ Nguyễn Minh Cường: Sinh năm 1937; nhập ngũ ngày 10-6-1961; đơn vị tại ngũ C8 D8 Đoàn 1590; hy sinh ngày 27-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ML 982[b]/CL ngày 18-6-2008.

Mẹ PHẠN THỊ TỪA

Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lịch: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 11-1951; đơn vị tại ngũ huyện đội Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 17-4-1954, tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 1453[c] ngày 11-02-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đức: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 20-11-1949; đơn vị tại ngũ Ngũ Bộ; hy sinh ngày 10-4-1952, tại thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 259[bp] ngày 23-4-1957.

Mẹ NGUYỄN THỊ HÍCH

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Mọc: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ C22 Hưng Yên; hy sinh ngày 11-01-1951, tại Gia Lâm, Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1863[b] ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Lê Văn Đệ: Sinh năm 1944; nhập ngũ ngày 12-6-1966; đơn vị tại ngũ E241; hy sinh ngày 11-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NS 021[b] ngày 07-8-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ THÃI

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Cao Huy Chắc: Sinh năm 1920; nhập ngũ ngày 12-7-1945; đơn vị tại ngũ C30; hy sinh ngày 20-3-1948, tại Dốc Lã, Bảo Khê, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 124[b] ngày 01-12-1959.
2. Liệt sĩ Cao Huy Của: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 20-01-1950; đơn vị tại ngũ huyện đội Kim Động, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 24-4-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số ZO 224[b] ngày 23-4-1957.

Mẹ NGUYỄN THỊ ỤN

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cũ: Sinh năm 1935; nhập ngũ ngày 20-01-1950; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 25-01-1952, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 122[b] ngày 23-4-1957.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Kiều: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 15-02-1968; hy sinh ngày 28-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OT 41[p]/CL ngày 17-4-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ VẸT

Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Đạo: Sinh năm 1922; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ xã Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 14-5-1950, tại xã Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 485[k] ngày 01-12-1959.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Ngự: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 27-02-1947; đơn vị tại ngũ chiến sỹ Sư 308 Sơn Tây; hy sinh ngày 13-02-1952, tại Sư 308 Sơn Tây, tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 125[bp] ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ KÍN

Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thị Liểng: Sinh năm 1933; nhập ngũ năm 1951; hy sinh ngày 16-6-1952, tại Hiệp Hòa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 090^{kp} ngày 04-6-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ HƠN

Năm sinh: 1926
Quê quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 253/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tẩy: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 06-02-1950, tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 086^{bp} ngày 21-4-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Trí: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 04-10-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 1368^{b} ngày 03-7-1976.